

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 249/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24/8/2018.

*Về việc “Xin Ly hôn,
tranh chấp con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Huỳnh Lý**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Long.**

Bà **Phan Thị Thanh Dung.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2018 V/v: “ Xin ly hôn, *tranh chấp con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2018 và Thông báo hoãn phiên tòa số 21A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chiêm Hạnh T, sinh năm: 1983. Trú tại: Khóm Cà L – A B – ph, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Tr. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1982. Trú tại: Thôn Phú Q, xã Tam Mỹ Đ, huyện Núi Th, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Chiêm Hạnh T trình bày: Bà Chiêm Hạnh T và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã Tam Mỹ Đ, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, từ đó bà T bỏ về quê sống đến nay. Nay, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Núi Thành giải quyết được ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu tòa án giao cháu Trần Ánh T, sinh ngày 24/02/2010 cho bà Chiêm Hạnh T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Vợ chồng không nợ của ai và không cho ai mượn nợ.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông và bà Chiêm Hạnh T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Mỹ Đ huyện Núi Th, tỉnh Quảng N vào năm 2009. Trong quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên bà T ôm con bỏ về quê sống từ năm 2011 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn.

Trong quá trình chung sống ông thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Ánh T, sinh ngày 24/02/2010, ông đồng ý giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Vợ chồng không nợ của ai và không cho ai mượn nợ.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm xét xử là đúng pháp luật. Tuy nhiên, thủ tục cấp tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo hoãn phiên tòa chưa đảm bảo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập hợp lệ đương sự tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Chiêm Hạnh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Văn T hiện trú tại: Thôn Phú Q, xã Tam Mỹ Đ, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N. Vì vậy việc khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tại phiên Tòa vắng mặt nguyên đơn bà Chiêm Hạnh T nhưng bà T có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa giải quyết vụ án ly hôn giữa bà T và ông Trần Văn T. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chiêm Hạnh T và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu cưới nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ Đ, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N. Như vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được hai bên gia đình và pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống thì giữa bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân được hai bên đương sự thừa nhận là do tính tình không hợp nhau nên mâu thuẫn và bà T bỏ về quê sinh sống từ năm 2011 đến nay. Tình cảm vợ chồng đã hết nên bà T xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà T và ông T đã trầm trọng, vợ chồng không chung sống nhiều năm nay, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho bà Chiêm Hạnh T được ly hôn với ông Trần Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Giữa bà T và ông T có 01 con chung tên là Trần Ánh T, sinh ngày 24/02/2010. Hội đồng xét xử nhận thấy bà Thi có yêu cầu được nuôi cháu T, nguyện vọng của cháu T hiện nay muốn được ở với mẹ. Hơn nữa từ khi vợ chồng mâu thuẫn không sống chung, bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Do vậy để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, ổn định của cháu, xét cần giao cháu T cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Về án phí: Bà Chiêm Hạnh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chiêm Hạnh T về việc “ Xin ly hôn, tranh chấp con chung” đối với bị đơn ông Trần Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Chiêm Hạnh T được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là Trần Ánh T, sinh ngày 24/02/2010 cho bà Chiêm Hạnh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

- Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Chiêm Hạnh T phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0002099 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Mỹ Đông;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đinh Thị Huỳnh Lý

